

TRENDS TO CHANGE WOMEN'S EDUCATION PERIOD 2009-2019

Nghiêm Thị Thuy^a

Nguyễn Thị Xuân^b

Institute of Sociology

Email: ^a ngiemthuy78@gmail.com; ^b xuanhatay@gmail.com

Received: 19/8/2022; Reviewed: 30/8/2022; Revised: 09/9/2022; Accepted: 12/9/2022; Released: 30/9/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/734>

The article uses the method of data analysis from National surveys and secondary documents, to assess the trends to change women's education period of 2009-2019. The results show that the schooling status of women has not changed significantly. Although the percentage of ethnic minority of women going to school has increased, but the number of women get certificate lower than men. Women's low level education affects to incomes, employment, empowerment opportunities, voices and human rights.

Keywords: *Level Education; Women; Ethnic minority of women; Schooling Status.*

1. Đặt vấn đề

50 năm cuối thế kỷ XX, chúng ta đã chứng kiến sự tiến bộ vượt bậc trong địa vị “tuyệt đối” của phụ nữ. Trừ một số ngoại lệ, học vấn của phụ nữ đã có những cải thiện đáng kể. Tỷ lệ theo học tiểu học của các bé gái có xu hướng tăng gấp đôi ở một số châu lục như Nam Á, Châu Phi Hạ Sahara, Trung Đông và Bắc Phi (World Bank, 2019). Tuy nhiên, theo Women WorldWide Web (Women WorldWide Web, 2018), phụ nữ và trẻ em gái chưa được tiếp cận giáo dục công bằng như nam giới và trẻ em nam do nghèo đói, quy tắc văn hóa và thông lệ, định kiến. Hiện nay, trên thế giới còn hàng triệu phụ nữ và trẻ em phải chịu nghèo đói và không được đi học, hai phần ba số người mù chữ toàn cầu là phụ nữ. Ở Việt Nam, trình độ học vấn của nữ giới đã được cải thiện, tuy nhiên vẫn còn thấp hơn so với nam giới. Điều đó cho thấy, học vấn của nữ giới thấp sẽ làm mất đi những cơ hội về thu nhập, tìm kiếm việc làm có chất lượng và tăng bất bình đẳng xã hội... Vì vậy, việc nâng cao trình độ học vấn cho phụ nữ sẽ góp phần nâng cao vị thế xã hội, tiếng nói và quyền của phụ nữ. Xuất phát từ lý do này, bài viết hướng đến phân tích trình độ học vấn của phụ nữ trong giai đoạn 2009-2019. Thông qua đó, thấy được xu hướng thay đổi trình độ học vấn của phụ nữ trong giai đoạn này và có kế hoạch phát triển giáo dục cho phụ nữ trong tương lai.

2. Tổng quan nghiên cứu

Có nhiều nghiên cứu về trình độ học vấn nhưng nghiên cứu riêng về trình độ học vấn của phụ nữ Việt Nam không nhiều. Kết quả Điều tra Biên động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2018 chỉ ra rằng, trình độ học vấn của nữ từ 15 tuổi trở lên nói chung còn thấp, phần lớn tốt nghiệp trung học cơ sở (chiếm 32%), có trình độ tiểu học và trung học phổ thông là 20,7%, đại học 11%, còn lại có trình độ trung cấp, cao đẳng. Số phụ nữ có trình độ thạc sĩ

và tiến sĩ còn chiếm tỷ lệ rất thấp, chưa đến 1% trên tổng số phụ nữ (Tổng cục Thống kê, 2019). Đặc biệt, trong số này thì số phụ nữ ở vùng núi phía Bắc có trình độ học vấn ở các cấp thấp hơn so với các khu vực khác trên cả nước. Mặc dù ở Việt Nam, vị thế của trẻ em gái và phụ nữ đã được cải thiện đáng kể trong mấy chục năm qua. Những thành tựu đạt được trong lĩnh vực giáo dục cụ thể là trẻ em gái nhập học cao hơn so với giai đoạn trước đó (Tổng cục Thống kê, 2009). Tuy nhiên, về mặt bằng chung, trình độ học vấn của nam giới cao hơn nữ giới, của thành thị cao hơn nông thôn và đồng bằng cao hơn miền núi (Ủy ban Dân tộc, 2015; Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2013). Mặc dù vậy đã có sự cải thiện rõ rệt giảm sự bất bình đẳng giữa trẻ em trai và trẻ em gái trong việc tiếp cận giáo dục, tuy nhiên tỷ lệ đi học đúng tuổi giảm dần từ tiểu học gần 96% xuống còn gần 10% ở bậc đại học ở nhóm dân tộc thiểu số (DTTS) (Lê Ngọc Hùng, 2015). Kết quả phân tích về lực lượng lao động của Việt Nam theo nhóm học vấn và nhóm tuổi cho thấy hai xu hướng tích cực về bình đẳng giới. Một mặt, lực lượng lao động nữ ngày càng có trình độ học vấn cao. Mặt khác, chênh lệch giới trong trình độ học vấn ngày càng được thu hẹp. Tuy nhiên, nam giới có xu hướng hoàn thành một trình độ học vấn nhất định cao hơn phụ nữ. Cùng với đó, những người lao động ở độ tuổi càng lớn có khoảng cách chênh lệch về giới nghiêng về nam giới nhiều hơn. Lao động nữ giới cao tuổi có xu hướng chỉ học hết bậc tiểu học. Khoảng cách về trình độ học vấn được thu hẹp ở những người lao động trong độ tuổi từ 25 đến 54 tuổi và đảo ngược ở thanh niên. Xác suất trung bình để một phụ nữ từ 15 đến 24 tuổi hoàn thành giáo dục đại học cao hơn so với nam giới cùng nhóm tuổi. Mặt khác, xác suất để nam giới đạt trình độ học vấn cao nhất là tiểu học và cao hơn so với nữ thanh niên. Hầu như, không có sự chênh lệch giới ghi nhận ở bậc trung học cơ sở với nhóm tuổi này (ILO, 2021). Đối với phụ nữ

DTTS, phong tục tập quán của người DTTS còn lạc hậu như trẻ em gái phải nghỉ học sớm để lập gia đình khi vừa tốt nghiệp trung học cơ sở (Trịnh Thị Anh Hoa, 2014; Dương Chí Thiện, 2014; Nguyễn Thị Hằng, 2018) cho nên, tỷ lệ trẻ em gái học lên cấp học trung học phổ thông thấp hơn so với trẻ em trai cùng độ tuổi (Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, 2019), vì người dân chưa coi trọng việc học cho nên ảnh hưởng tới việc tiếp cận giáo dục của học sinh. Ngoài ra, phụ nữ có trình độ học vấn thấp còn dẫn đến một loạt các hệ lụy ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của họ như cơ hội phát triển kinh tế, thu nhập thấp, không có trình độ chuyên môn (World Bank, 2018), không có quyền quyết định về số con, không được chăm sóc về y tế, ít hoặc không có tiếng nói trong gia đình và ngoài xã hội, những đứa con gái của họ không có cơ hội được học cao (Oxfarm, Actionaid, ISEE, Caritas, 2010; Ủy ban Dân tộc, UNDP, 2015) và những phụ nữ có trình độ học vấn thấp có nguy cơ bị bạo lực gia đình cao hơn so với nhóm phụ nữ có trình độ học vấn cao (Bộ LĐTB&XH và UNFPA, 2014). Cho nên, trình độ học vấn cao về lâu dài sẽ giúp tăng thu nhập, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm ổn định và trong nhận thức của người nghèo, học hành được kỳ vọng là “phao cứu sinh” giúp con em họ đi lên trong bối cảnh không thể trông vào nông nghiệp (Oxfarm, 2018). Nhìn chung, với các hướng tiếp cận khá đa dạng các công trình nghiên cứu đi trước đã cho thấy được thực trạng học vấn của phụ nữ Việt Nam theo các lát cắt khác nhau. Các kết quả nghiên cứu cho thấy hiện vẫn còn bất bình đẳng trong việc tiếp cận trình độ học vấn giữa phụ nữ và nam giới. Cùng với đó, các công trình nghiên cứu đã chỉ ra một số hệ lụy khi phụ nữ có trình độ học vấn thấp, như không có trình độ chuyên môn, giảm cơ hội phát triển kinh tế, giảm cơ hội việc làm... Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chỉ tiến hành trong một giai đoạn, chính vì vậy, kết quả chỉ cho biết được tình trạng học vấn của phụ nữ Việt Nam ở một thời điểm nghiên cứu nhất định. Trong bài viết này, tác giả đi sâu tìm hiểu về xu hướng tình trạng học vấn của phụ nữ trong giai đoạn 2009-2019. Qua bài viết, độc giả có thể thấy được xu hướng thay đổi trình độ học vấn của phụ nữ trong giai đoạn 10 năm trở lại đây. Đồng thời, các phân tích kết hợp so sánh về trình độ học vấn của phụ nữ với nam giới góp phần cho thấy sự khác biệt và thay đổi về trình độ học vấn theo giới. Sự thay đổi tích cực học vấn của phụ nữ không những góp phần giảm bất bình đẳng giới mà còn tăng quyền quyết định trong công việc và cuộc sống của họ.

3. Phương pháp nghiên cứu

Các phân tích trong bài viết này dựa trên việc tổng hợp lại các kết quả phân tích số liệu Điều tra dân số - nhà ở năm 2009 và 2019 của Tổng cục Thống kê. Cuộc điều tra năm 2009 và 2019 được tiến hành trên một số nội dung liên quan đến chủ

đề của bài viết về các đặc điểm nhân khẩu học của người trả lời, trình độ học vấn, tình trạng biết đọc, biết viết, trẻ em ngoài nhà trường và một số đặc điểm nhân khẩu học liên quan đến vùng miền, tỉnh, giới tính (Tổng cục Thống kê, 2009, 2019). Bài viết chủ yếu sử dụng một số phương pháp chủ yếu như tổng hợp, phân tích tài liệu thứ cấp.

4. Kết quả nghiên cứu

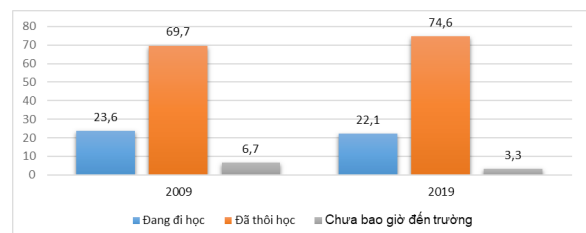
4.1. Khái niệm trình độ học vấn

Theo UNESCO về trình độ học vấn đã đạt được của một người được định nghĩa là lớp học cao nhất đã hoàn tất trong hệ thống giáo dục quốc dân mà người đó đã theo học. Theo Luật giáo dục năm 2019, hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, bắt đầu từ bậc giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, dạy nghề cho đến các bậc giáo dục chuyên nghiệp. Từ những định nghĩa và cách giải thích như trên, bài viết đưa ra khái niệm làm việc như sau: Trình độ học vấn là trình độ mà người đó đã đạt được trong suốt cuộc đời của mình từ hệ thống giáo dục quốc dân.

4.2. Trình độ học vấn của phụ nữ

4.2.1. Trình độ học vấn của phụ nữ toàn quốc

Theo báo cáo phát triển con người năm 2011 của UNDP trình độ học vấn của phụ nữ Việt Nam (25 tuổi trở lên) hoàn thành chương trình trung học cơ sở 24,7%, trong khi đó tỷ lệ này ở nam giới cùng tuổi là 28%. Điều này cho thấy, khoảng cách chênh lệch về trình độ học vấn của nam giới và phụ nữ hiện vẫn còn.



Hình 1. Tỷ lệ tình trạng đi học của dân số nữ từ 5 tuổi trở lên ở Việt Nam giai đoạn 2009-2019 (%)

Nguồn: Điều tra dân số - nhà ở năm 2009, 2019, TCTK

Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và 2019 cho thấy, trong giai đoạn 10 năm trở lại đây, phần lớn dân số nữ từ 5 tuổi trở lên hiện đã thôi học. Tỷ lệ dân số nữ ở nước ta hiện đang đi học có xu hướng giảm nhẹ từ 23,6% năm 2009 xuống 22,1% năm 2019. Trong khi đó, tỷ lệ dân số nữ trên cả nước hiện đã thôi học lại có xu hướng tăng nhẹ từ 69,7% năm 2009 lên 74,6% năm 2019. Báo cáo điều tra MICS 2014 cho thấy tỷ lệ trẻ em không đi học phụ thuộc nhiều vào trình độ giáo dục của người mẹ (đặc biệt, 62% số trẻ không đi học trong độ tuổi 15-17 tuổi có mẹ không được đi học). Điều

này nhấn mạnh sự cần thiết của việc giáo dục cho phụ nữ sẽ tác động quan trọng tới giáo dục thế hệ tiếp theo (Dẫn lại theo Phụ nữ Việt Nam, 2019).

Đáng chú ý, trong giai đoạn này, tỷ lệ phụ nữ chưa bao giờ đến trường có xu hướng giảm mạnh, giảm từ 6,7% năm 2009 xuống 3,3% năm 2019. Đây là một trong những nguyên nhân góp phần nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tỷ lệ phụ nữ chưa bao giờ đi học giảm xuống, đồng nghĩa với việc cơ hội học tập của phụ nữ Việt Nam tăng trong giai đoạn gần đây. Tỷ lệ phụ nữ tăng là yếu tố giúp cân bằng vị thế của phụ nữ trong xã hội, nâng cao vị thế nghề nghiệp, tăng tiếng nói về bình đẳng giới tại nơi làm việc (ILO, 2020), giảm tỷ lệ sinh con nhiều con (Nguyễn Hữu Tài, 2010), giảm tỷ lệ phụ nữ tảo hôn ở tuổi vị thành niên (UNFPA, 2012).

Tỷ lệ đi học chung, phụ nữ đi học đúng tuổi ở các cấp học

Theo Tổng cục Thống kê (2019), tỷ lệ đi học chung, tỷ lệ đi học đúng tuổi được xác định như sau: 1) Tỷ lệ đi học chung là số học sinh đang tham gia vào một cấp giáo dục phổ thông (không kể tuổi) tính trên 100 người trong tuổi đến trường của cấp học đó. 2) Tỷ lệ đi học đúng tuổi là số học sinh trong tuổi đến trường của một cấp học phổ thông đang tham gia vào cấp học đó tính trên 100 người trong độ tuổi đến trường của cấp học đó. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng hai công thức trên để tính toán tỷ lệ đi học chung, đi học đúng tuổi của phụ nữ để thấy được những thay đổi trong việc đi học, tiếp cận giáo dục của phụ nữ trong giai đoạn gần đây.

Bảng 1. Tỷ lệ đi học chung, đi học đúng độ tuổi theo cấp học phân theo giới tính, năm 2009, 2019 (%)

	Năm 2009		Năm 2019	
	<i>Đi học chung</i>	<i>Đi học đúng tuổi</i>	<i>Đi học chung</i>	<i>Đi học đúng tuổi</i>
<i>Cấp tiểu học</i>				
Chung	102,8	95,5	101,0	98,0
Nam	103,5	95,5	101,1	97,9
Nữ	102,1	95,4	100,8	98,1
<i>Cấp trung học cơ sở</i>				
Chung	89,5	82,5	92,8	89,2
Nam	89,2	81,4	92,2	88,2
Nữ	89,8	83,8	93,5	90,2
<i>Cấp trung học phổ thông</i>				
Chung	64,3	56,7	72,3	68,3
Nam	61,3	53,0	68,8	64,5
Nữ	67,6	60,6	75,9	72,2

Nguồn. Điều tra dân số - nhà ở năm 2009, 2019, TCTK

Kết quả phân tích thống kê cho thấy, tỷ lệ phụ nữ đi học chung ở các cấp học có xu hướng tăng trong giai đoạn 10 năm trở lại đây. Tỷ lệ phụ nữ trên toàn

quốc đi học chung ở cấp trung học cơ sở tăng từ 89,8% năm 2009 lên 93,5% năm 2019; tỷ lệ này ở bậc trung học phổ thông là 67,6% lên 75,9%. Trong khi đó, tỷ lệ phụ nữ đi học chung ở bậc tiểu học có xu hướng giảm nhẹ 102,1% năm 2009 và 100,8% năm 2019. Qua đó có thể thấy, tỷ lệ phụ nữ ngày càng tiếp cận nhiều hơn với những bậc học cao. Tỷ lệ phụ nữ tham gia nhiều hơn, được học nhiều hơn ở các cấp học cao hơn, trình độ học vấn có xu hướng cao hơn điều này đồng nghĩa với việc địa vị của phụ nữ trong gia đình và xã hội được cải thiện.

Xem xét tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi ở các cấp học cho thấy, tỷ lệ phụ nữ đi học đúng tuổi ở các cấp học có xu hướng tăng lên. Cụ thể, ở cấp tiểu học, tỷ lệ phụ nữ đi học đúng tuổi tăng từ 95,4% lên 98,1%. Ở cấp trung học cơ sở, tỷ lệ phụ nữ đi học đúng tuổi tăng từ 83,8% lên 90,2% và ở cấp trung học phổ thông, tỷ lệ phụ nữ đi học đúng tuổi tăng từ 60,6% lên 72,2%. Tỷ lệ phụ nữ đi học đúng tuổi tăng mạnh nhất ở cấp trung học phổ thông trong giai đoạn 10 năm gần đây một lần nữa cho thấy, tỷ lệ phụ nữ được đến trường đúng độ tuổi đã được cải thiện khá rõ rệt.

Tuy nhiên, một điều hiện vẫn đáng quan tâm là mặc dù tỷ lệ nữ học tập ở các cấp học tăng, tỷ lệ phụ nữ đi học có xu hướng cao hơn so với nam giới ở các cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông nhưng tỷ lệ phụ nữ đi học có xu hướng giảm ở trình độ học vấn cao. Kết quả phân tích tổng điều tra dân số, nhà ở năm 2009, 2019 cho thấy, tỷ lệ phụ nữ đi học chung và đi học đúng tuổi giảm dần theo cấp học. Tỷ lệ phụ nữ đi học đúng tuổi năm 2009 giảm từ 95,4% ở cấp tiểu học xuống còn 60,6% ở cấp trung học phổ thông. Đến năm 2019, tỷ lệ phụ nữ đi học đúng tuổi ở các cấp học vẫn giảm từ 98,1% xuống 72,2%. Qua đó cho thấy, trình độ học vấn của phụ nữ mặc dù đã được cải thiện hơn so với năm 2009, tuy nhiên, vẫn còn khoảng 30% phụ nữ trên toàn quốc chưa hoàn thành trình độ học vấn trung học phổ thông. Điều này cũng có nghĩa rằng, hiện vẫn còn khoảng gần 30% phụ nữ có trình độ học vấn thấp hoặc không thể tiếp cận được với trình độ học vấn trung học phổ thông đúng tuổi.

Trình độ học vấn cao nhất đã đạt được

Mặc dù, tỷ lệ phụ nữ đi học ở các cấp học cao hơn so với nam giới học cùng cấp, tuy nhiên, xem xét trình độ học vấn cao nhất giữa phụ nữ và nam giới cho thấy, trình độ học vấn cao nhất của phụ nữ phần lớn vẫn thấp hơn so với nam giới ở các cấp học và không biến đổi nhiều trong giai đoạn 2009-2019.

Năm 2009, tỷ lệ phụ nữ từ 15 tuổi trở lên chưa tốt nghiệp các cấp học đều thấp hơn so với nam giới. Trong đó, chênh lệch về giới nhiều nhất tập trung ở nhóm chưa tốt nghiệp tiểu học và tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. Cụ thể, tỷ lệ chưa tốt nghiệp tiểu học ở nam giới là 29,2% và của nữ giới là 31,9%. Đối với nhóm tốt nghiệp trung học phổ thông, tỷ lệ nam giới là 12,6%, và phụ nữ là 11,3%.

Xem xét tỷ lệ tốt nghiệp của phụ nữ ở 4 nhóm trình độ học vấn cho thấy, cấp học có tỷ lệ phụ nữ tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất là cấp tiểu học, tỷ lệ phụ nữ chưa tốt nghiệp trung học cơ sở vẫn còn chiếm tỷ lệ cao trong nhóm 4 cấp học (29,1%).

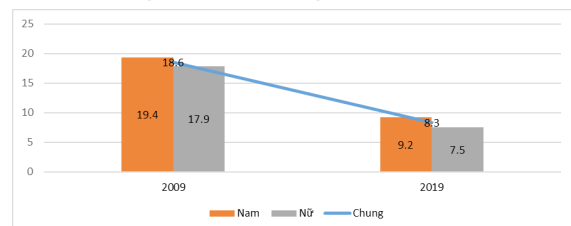
Đến năm 2019, các phân tích thống kê ở nhóm dân số từ 15 tuổi trở lên cho thấy, có sự thay đổi về trình độ học vấn của nam giới và phụ nữ ở các cấp học. Mặc dù, tỷ lệ nam giới tốt nghiệp ở các cấp học phần lớn vẫn cao hơn so với nhóm phụ nữ, tuy nhiên, ở cấp tiểu học, tỷ lệ nữ giới tốt nghiệp bậc học này có xu hướng cao hơn (nam giới: 20,1%; phụ nữ: 22,6%). Xem xét tỷ lệ tốt nghiệp của phụ nữ ở 4 nhóm cấp học cho thấy, cấp học có tỷ lệ phụ nữ tốt nghiệp nhiều nhất là cấp trung học phổ thông, tỷ lệ phụ nữ chưa tốt nghiệp tiểu học mặc dù vẫn còn nhưng chiếm tỷ lệ thấp (11,8%).



Hình 2. Trình độ học vấn cao nhất đã đạt được của dân số từ 15 tuổi trở lên theo giới tính năm 2009, 2019 (%)

Nguồn: Điều tra dân số - nhà ở năm 2009, 2019, TCTK

Trẻ em ngoài nhà trường



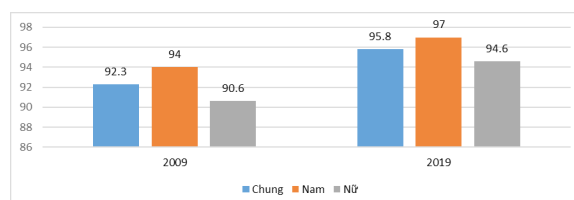
Hình 3. Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường phân theo giới tính năm 2009, 2019 (%)

Nguồn: Điều tra dân số - nhà ở năm 2009, 2019, TCTK

Trong giai đoạn 2009-2019, tỷ lệ trẻ em nữ ngoài nhà trường có xu hướng giảm mạnh. Năm 2009, tỷ lệ trẻ em nữ ngoài nhà trường chiếm 17,9%, đến năm 2019 giảm xuống 7,5%.

So sánh tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường giữa nhóm nam giới và phụ nữ, tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường của nhóm nam giới luôn cao hơn so với nhóm phụ nữ và giảm đều trong vòng 10 năm trở lại đây, khoảng chênh lệch giữa hai nhóm có xu hướng không đổi và dao động từ 1,5% đến 1,7%. Nguyên nhân khiến tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường hiện vẫn còn là do tình trạng nghèo đói, trẻ em phải lao động sớm do gia đình thiếu lao động.

Tỷ lệ phụ nữ biết đọc biết viết chữ phổ thông



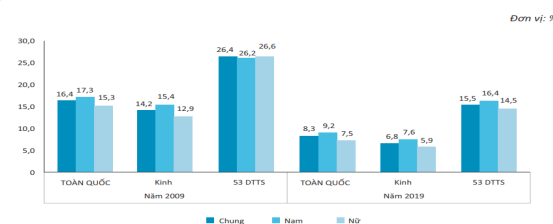
Hình 4. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết phân theo giới tính (%)

Nguồn: Điều tra dân số - nhà ở năm 2009, 2019, TCTK

Có thể thấy, tỷ lệ dân số nữ từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết tiếng phổ thông tăng trong giai đoạn 2009-2019, tuy nhiên, xem xét khác biệt giới trên toàn quốc cho thấy, sau 10 năm, tỷ lệ dân số nữ biết đọc, biết viết luôn thấp hơn so với dân số nam giới. Cụ thể, tỷ lệ dân số nữ biết đọc, biết viết năm 2009 là 92,3% đến năm 2019 tăng lên 94,6%. Trong khi đó, tỷ lệ dân số nam biết đọc, biết viết tăng từ 94% năm 2009 lên 97% năm 2019. Đáng chú ý, mặc dù tỷ lệ biết đọc, biết viết của dân số nữ và nam tăng, khoảng cách chênh lệch về giới có thu hẹp nhưng không nhiều (năm 2009: 4,6%, năm 2019: 2,4%).

4.2.2. Trình độ học vấn theo dân tộc

Việt Nam có 54 dân tộc thiểu số, trong đó dân tộc Kinh là nhóm dân tộc chiếm tỷ lệ đông nhất, chiếm 87,3% dân số. Còn lại 53 DTTS sống chủ yếu ở những vùng sâu, vùng xa (UN Women & Ủy ban Dân tộc, 2015). Báo cáo Tình hình phụ nữ và trẻ em gái DTTS ở Việt Nam (2015) chỉ ra rằng, trong cộng đồng người DTTS, phụ nữ và trẻ em gái thường là những đối tượng thiệt thòi hơn cả về khả năng tiếp cận các cơ hội, nguồn lực, trong đó có giáo dục.

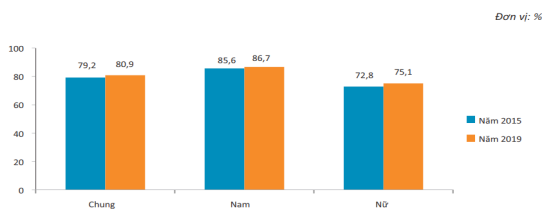


Hình 5. Tỷ lệ trẻ em gái dân tộc thiểu số ngoài nhà trường theo giới tính năm 2009, 2019

Nguồn: Báo cáo 53 dân tộc thiểu số năm 2019

Trong giai đoạn 2009-2019, tỷ lệ trẻ em gái DTTS ngoài nhà trường luôn chiếm tỷ lệ cao, cao hơn so với nhóm trẻ em gái ngoài nhà trường trên toàn quốc và của dân tộc Kinh. Tuy nhiên, sau 10 năm, tỷ lệ trẻ em gái DTTS ngoài nhà trường có xu hướng giảm mạnh. Năm 2009, tỷ lệ trẻ em gái DTTS ngoài nhà trường chiếm 26,6% đến năm 2019 chỉ có 14,5%, giảm 12,1%.

Cũng trong 10 năm trở lại đây, chênh lệch giới giữa tỷ lệ trẻ em gái DTTS ngoài nhà trường và trẻ em trai cùng nhóm có xu hướng thay đổi. Năm 2009, tỷ lệ trẻ em gái DTTS ngoài nhà trường cao hơn so với nhóm trẻ em trai DTTS nhưng sang năm 2019, khoảng cách chênh lệch về giới giữa hai nhóm có xu hướng đảo ngược. Tỷ lệ trẻ em gái DTTS ngoài nhà trường thấp hơn so với trẻ em nam dân tộc thiểu số, cụ thể, tỷ lệ trẻ em nam DTTS ngoài nhà trường chiếm 16,4%, tỷ lệ này ở trẻ em gái DTTS là 14,5%. Mặc dù, tỷ lệ trẻ em gái DTTS đến trường ở các cấp học có xu hướng tăng lên, tỷ lệ trẻ em gái ngoài nhà trường có xu hướng giảm hơn so với nhóm trẻ em trai. Tuy nhiên, phụ nữ DTTS vẫn đang gặp thiệt thòi hơn so với nam giới về tình trạng biết đọc, biết viết chữ phổ thông do sau khi nghỉ học phụ nữ DTTS không có cơ hội sử dụng tiếng phổ thông dẫn đến bị quên. Vì vậy, một số địa phương đã mở những lớp học dạy lại tiếng Việt để chị em có thể sử dụng vay vốn hoặc ký các giấy tờ.



Hình 6. Tỷ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông của phụ nữ dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên năm 2015, 2019

Nguồn. Báo cáo 53 dân tộc thiểu số năm 2019

Số liệu cho thấy, tỷ lệ chung của các dân tộc biết đọc biết viết từ 15 tuổi trở lên là 94,7%, trong đó người Kinh/Hoa là 99,1%. Nam giới DTTS từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết là 86,3%, trong khi đó tỷ lệ nữ chỉ 73,4% biết đọc biết viết. Nhìn chung, tỷ lệ phụ nữ DTTS biết đọc, biết viết chữ phổ thông có xu hướng tăng nhẹ trong giai đoạn 2015-2019. Tỷ lệ phụ nữ DTTS biết đọc, biết viết tăng từ 72,8% năm 2015 lên 75,1% năm 2019.

Tỷ lệ nam giới DTTS biết đọc, biết viết luôn cao hơn so với nhóm nữ giới DTTS trong giai đoạn 5 năm trở lại đây. Qua đó cho thấy, hiện vẫn còn bất bình đẳng về tình trạng học vấn giữa nhóm nam giới và phụ nữ dân tộc thiểu số. Việc phụ nữ không biết đọc, biết viết, hoặc bỏ học làm tăng tình trạng tảo hôn, hoặc có nguy cơ tảo hôn. Điều đáng là ngại là ở độ tuổi 16, trẻ em DTTS kết hôn cao gấp 3,4 lần

trẻ em trai (Báo người công giáo Việt Nam, 2018). Trong khi nhiều trẻ em nam DTTS sau khi kết hôn vẫn tiếp tục đi học thì hầu hết trẻ em nữ phải nghỉ học ở nhà để thực hiện các “thiên chức” của phụ nữ (Ngân Anh, 2017). Với quan niệm này là nguyên nhân chính gây ra tình trạng bất bình đẳng giữa nam và nữ trong cộng đồng DTTS.

5. Thảo luận

Từ kết quả phân tích trên cho thấy, tình trạng học vấn của phụ nữ đã được cải thiện, phụ nữ chưa bao giờ đến trường giảm mạnh trong giai đoạn 2009-2019, tuy nhiên ở cấp học càng cao tỷ lệ phụ nữ tham gia càng thấp. Tỷ lệ dân số biết đọc, biết viết tiếng phổ thông ở cả nam giới và nữ giới trong 10 năm đã được cải thiện, khoảng cách chênh lệch giới giảm, tuy nhiên tỷ lệ nữ từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết tiếng phổ thông vẫn thấp hơn nam giới. Vì vậy, để tiếp tục nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ cần phải có những giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, đảm bảo tất cả trẻ em trai và trẻ em gái đều được tham gia giáo dục công bằng, chất lượng để có kết quả học tập hiệu quả. Xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục và đảm bảo tiếp cận bình đẳng ở tất cả các trình độ giáo dục cho các nhóm yếu thế như phụ nữ, người DTTS, nhóm trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Thứ hai, tuyên truyền hơn nữa để người dân nhận thức hơn về trình độ học vấn của phụ nữ có vai trò đối với phát triển kinh tế và tăng thu nhập;

Thứ ba, chính sách miễn/giảm học phí cho trẻ em ở những bậc học phổ thông nhằm thu hút sự quan tâm giáo dục của người dân.

Thứ tư, hoàn thiện chính sách pháp luật về giáo dục, Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân gia đình để tạo điều kiện cho phụ nữ có nhiều cơ hội cải thiện và nâng cao trình độ học vấn.

6. Kết luận

Trong giai đoạn 2009-2019, có sự thay đổi đáng kể về trình độ học vấn của phụ nữ DTTS ở Việt Nam. Tình trạng đi học của dân số nữ có thay đổi nhưng dường như không đáng kể. Trong khi đó, tỷ lệ phụ nữ đã thôi học lại cũng có xu hướng tăng nhẹ. Tỷ lệ phụ nữ đi học chung các cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có xu hướng tăng. Tiếp đến, so sánh mức độ tăng tỷ lệ đi học đúng tuổi ở ba cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông cho thấy, trong giai đoạn 2009-2019, tỷ lệ phụ nữ được đi học ở cấp trung học phổ thông có xu hướng tăng mạnh nhất. Điều này, đồng nghĩa với việc trình độ học vấn của phụ nữ đã có xu hướng được cải thiện rõ rệt. Việc được học ở những bậc học cao hơn giúp phụ nữ nâng cao kiến thức, thay đổi cách tư duy và chủ động hơn trong các cơ hội việc làm. Hơn thế nữa, xét trên khía cạnh giới, bất bình đẳng trong tham gia các bậc học, đặc biệt là các bậc học cao có xu hướng sự thay đổi trong giai đoạn 2009-2019. Đặc biệt, ở bậc trung học phổ thông thì tỷ lệ

phụ nữ đi học cao hơn so với nam giới ở cả nhóm đi học chung và đi học đúng tuổi. Mặc dù, tỷ lệ phụ nữ học ở các cấp học cao hơn so với nam giới nhưng tỷ lệ tốt nghiệp ở các cấp học của phụ nữ đều thấp hơn và không có xu hướng thay đổi nhiều trong 2 năm 2009 và 2019. Xét riêng nhóm dân tộc thiểu số, nam giới DTTS vẫn là nhóm có biết đọc biết viết nhiều hơn so với phụ nữ DTTS trong giai đoạn

2015-2019. Qua đó, cho thấy tình trạng bỏ học, thôi học giữa chừng của phụ nữ hiện vẫn đang là vấn đề đáng quan tâm và cần có những biện pháp tuyên truyền, vận động chính sách nhằm hỗ trợ và giảm thiểu tình trạng bỏ học, thôi học giữa chừng của phụ nữ nói chung. Có như vậy mới góp phần đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản giữa phụ nữ và nam giới ở nước ta.

Tài liệu tham khảo

- Anh, N. (2017). Bình đẳng giới cho phụ nữ dân tộc thiểu số: vẫn còn khoảng cách. <https://nhandan.com.vn/>.
- Báo Người Công giáo Việt Nam. (2018). Phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số đang chịu sự bất bình đẳng kép. <http://mattran.org.vn/>.
- Phụ nữ Việt Nam. (2019). Bảo đảm bình đẳng giới và học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập trong giáo dục. <https://www.moha.gov.vn/>.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019.
- Tài, N. H. (2010). Tác động của trình độ học vấn tới mức sinh. <https://nhandan.com.vn/>.
- Tổng cục Thống kê. (2009). *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009: Kết quả toàn bộ*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. (2019). *Điều tra biến động dân số và nhà ở năm 2018*. Hà Nội: Vụ Thống kê Dân số và Lao động.
- Tổng cục Thống kê. (2020). *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
- UN Women, & Ủy ban Dân tộc. (2015). Tóm tắt tình hình phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số ở Việt Nam. <https://vietnam.un.org/>.
- UNFPA. (2012). Tóm tắt vận động chính sách tỷ lệ sinh con ở tuổi vị thành niên tại Việt Nam. <https://vietnam.unfpa.org/>.
- UNICEF. (2016). Báo cáo trẻ em ngoài nhà trường. Nghiên cứu của Việt Nam 2016. <https://www.unicef.org/>.
- Ủy ban Dân tộc. (2015). *Điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số*.
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2013). *Đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cho người nghèo trong điều kiện xã hội hóa giáo dục*. Đề tài cấp Bộ, mã số B2011-37-04.
- Women WorldWide Web. (2018, December 24). Women WorldWide Web. <https://www.w4.org/en/education/>.
- World Bank. (2019). Đưa vấn đề giới vào phát triển. <http://documents1.worldbank.org/>.

XU HƯỚNG THAY ĐỔI TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN CỦA PHỤ NỮ GIAI ĐOẠN 2009-2019

Nghiêm Thị Thủy^a
Nguyễn Thị Xuân^b

Viện Xã hội học

Email: ^anghiemthuy78@gmail.com; ^bxuanhatay@gmail.com

Nhận bài: 19/8/2022; Phản biện: 30/8/2022; Tác giả sửa: 09/9/2022; Duyệt đăng: 12/9/2022; Phát hành: 30/9/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/734>

Bài viết này sử dụng phương pháp tổng hợp số liệu có sẵn từ các cuộc điều tra quốc gia và phân tích tài liệu thứ cấp, phân tích về xu hướng trình độ học vấn của phụ nữ ở Việt Nam trong giai đoạn 2009-2019. Kết quả cho thấy, tình trạng đi học của phụ nữ không có thay đổi đáng kể trong giai đoạn này. Mặc dù, tỷ lệ phụ nữ người dân tộc thiểu số đi học tại các cấp học tăng nhưng số phụ nữ đạt được bằng cấp lại thấp hơn nam giới. Trình độ học vấn của phụ nữ thấp ảnh hưởng tới thu nhập, việc làm, cơ hội trao quyền, tiếng nói và quyền con người.

Từ khóa: Trình độ học vấn; Phụ nữ; Phụ nữ người dân tộc thiểu số; Tình trạng đi học.